

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30-5-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỎ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Chiên

2. Ông Đèo Văn Vĩnh

- Thư ký phiên toà: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị Q, sinh năm 1999; Nơi cư trú: bản H, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: bản N, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” cùng các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn chị Lường Thị Q trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn T chung sống với nhau từ năm 2014 nhưng đến ngày 26/4/2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu, trên cơ sở tự nguyện. Chị và anh T chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh T nghiện ma túy, thường xuyên vi phạm pháp luật và không quan tâm đến chị và các con.

Sau khi sinh con thứ hai năm 2017 được thời gian ngắn chị và anh T sống ly thân, trong thời gian sống ly thân chị và anh T không quan tâm đến nhau. Chị xét thấy không còn tình cảm với anh T, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Vũ Thị Như Q1, sinh ngày 20/10/2015; Vũ Duy K, sinh ngày 14/10/2017. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Vì từ khi ly thân với anh T, các con đều do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh T cũng không chu cấp cho các con.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Vũ Văn T trình bày: Anh xác nhận về thời gian chung sống với chị Q năm 2014 và thời điểm đăng ký kết hôn với chị Q ngày 26/4/2016. Anh cho rằng giữa anh và chị Q không có mâu thuẫn gì. Chị Q xin ly hôn, anh không mong muốn hòa giải đoàn tụ và nhất trí ly hôn với chị Q. Về con chung, anh cũng xác nhận có 02 con như chị Q trình bày. Nếu ly hôn anh cũng có nguyện vọng nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án giao con thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con trai Vũ Duy K. Anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lường Thị Q và xem xét quyết định: Chị Q được ly hôn với anh T; giao con chung Vũ Thị Như Q1, sinh ngày 20/10/2015; Vũ Duy K, sinh ngày 14/10/2017 cho chị Q nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Anh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung, nợ chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Văn T có nơi cư trú tại bản N, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Chị Q có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 14/5/2025, Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị Q và anh Vũ Văn T đăng ký kết hôn ngày 26/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị Q và anh T hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị chung sống không hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy do tình cảm giữa chị Q và anh T không còn dành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, anh T cũng nhất trí ly hôn với chị Q. Như vậy, hôn nhân giữa chị Q và anh T đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: có 02 con chung là Vũ Thị Như Q1, sinh ngày 20/10/2015; Vũ Duy K, sinh ngày 14/10/2017. Chị Q và anh T đều có nguyện vọng nuôi cả hai con và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Các con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ vì từ khi bố mẹ sống ly thân hai chị em đều ở với nhau và ở với mẹ và được chị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng các con; chị Q có công việc là phiên dịch nên có thu nhập. Hơn nữa, theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H thì anh T không có công việc và thu nhập, sống phụ thuộc vào mẹ đẻ và là đối tượng được Công an xã H quản lý nghi nghiện ma túy. Vì vậy, để đảm sự phát triển của các con, không thay đổi môi trường học tập của các con và được mẹ trực tiếp chăm sóc nên cần giao hai con chung cho chị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp.

Chị Q không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Q và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; **điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016** của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Q được ly hôn với anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Thị Như Q1, sinh ngày 20/10/2015; Vũ Duy K, sinh ngày 14/10/2017 cho chị Lương Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Vũ Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lường Thị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Lường Thị Q và anh Vũ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lường Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Q đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000436 ngày 17/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Hoang Thèn, huyện Phong Thổ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Thanh

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

